

CHƯƠNG IV

PHẢN ỨNG DỤNG

Bài 9

BÁT CƯƠNG

MỤC TIÊU

1. Trình bày nội dung của Bát cương.
2. Trình bày những tiêu chuẩn cơ bản để chẩn đoán theo Bát cương.
3. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của Bát cương:

Biểu - Lý

Hàn - Nhiệt

Hư - Thực

Âm - Dương

Trước tình hình phức tạp của các chứng bệnh, người thầy thuốc cần phải dựa vào các cương lĩnh để đánh giá được vị trí, tính chất, trạng thái và các xu thế chung của bệnh tật, giúp cho việc chẩn đoán nguyên nhân và đề ra các phương pháp chữa bệnh chính xác.

Tám cương lĩnh gồm: Ngoài và trong (Biểu Lý); Hàn và nhiệt, Hư và Thực, Âm và Dương. Âm Dương là hai cương lĩnh tổng quát nhất gọi là tổng cương.

1. ĐỊNH NGHĨA

Bát cương là 8 cương lĩnh gồm 8 hội chứng lớn nhằm mô tả các mức độ, các trạng thái, các giai đoạn của một bệnh cảnh lâm sàng.

Bát cương bao gồm 4 cặp sau đây:

- Biểu - Lý (ngoài và trong).
- Hàn - Nhiệt.
- Hư - Thực.
- Âm - Dương.

Trong đó, Âm và Dương là hai cương lĩnh tổng quát nhất được gọi là Tổng cương.

2. NỘI DUNG CỦA 8 CƯƠNG LĨNH

2.1. Biểu - Lý

Biểu và lý là 2 cương lĩnh để tìm vị trí nông sâu của bệnh tật, đánh giá tiên lượng và đề ra các phương pháp chữa bệnh thích hợp (bệnh ở biểu thì phát tán, bệnh ở lý thì dùng phép Thanh, Ôn, Bổ ...)

2.1.1. Biểu chứng

Biểu chứng là bệnh còn ở bên ngoài, ở nông, thường xuất hiện tại gân, xương, cơ nhục, kinh lạc. Bệnh ngoại cảm và bệnh truyền nhiễm ở giai đoạn đầu (YHCT gọi là phần Vệ, Tây y gọi là giai đoạn viêm long, khởi phát).

Các biểu hiện lâm sàng: Phát sốt, sợ gió, sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mỏng, mạch phù, đau đầu, đau mình, ngạt mũi, ho.

2.1.2. Lý chứng

Lý là bệnh ở bên trong, ở sâu thường là bệnh thuộc các tạng phủ, bệnh truyền nhiễm ở các giai đoạn toàn phát và có biến chứng như mất nước, mất điện giải, chảy máu (YHCT gọi là phần Dinh, Khí, Huyết).

Các biểu hiện lâm sàng: Sốt cao, khát, mê sảng, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, nước tiểu đỏ, nôn mửa, đau bụng, táo hay tiêu chảy, mạch trầm ...

Bệnh ở Lý có thể từ ngoài truyền vào, có thể tà khí trúng ngay tạng phủ, do tình chí làm rối loạn hoạt động các tạng phủ.

Sự phân biệt giữa biểu chứng hay Lý chứng thường chú ý đến có sốt cao hay sốt kèm theo sợ lạnh, chất lưỡi đỏ hay nhạt, rêu lưỡi vàng hay trắng, mạch phù hay mạch trầm ...

Biểu và Lý còn kết hợp với các cương lĩnh khác nhau như: Hư, thực, hàn, nhiệt và có sự lẫn lộn giữa biểu và lý.

2.2. Hàn - Nhiệt

Hàn và Nhiệt là 2 cương lĩnh dùng để đánh giá tính chất của bệnh giúp cho người thầy thuốc chẩn đoán các loại hình của bệnh và đề ra phương pháp chữa bệnh hợp lý (bệnh Hàn dùng thuốc Nhiệt, bệnh Nhiệt dùng thuốc Hàn; Nhiệt thì châm, Hàn thì cứu).

2.2.1. Hàn chứng

Sợ lạnh thích ấm, miệng nhạt không khát, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng trơn ướt, mạch trầm trì.

2.2.2. Nhiệt chứng

Sốt, thích mát, mặt đỏ, mắt đỏ, tay chân nóng, tiểu tiện ngắn đỏ, đại tiện táo, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng khô, mạch sắc.

Sự phân biệt hàn chứng và nhiệt chứng tập trung vào: sốt sợ nóng hay lạnh, thích ẩm, khát hay không khát; Sắc mặt đỏ hay trắng xanh; Tay chân nóng hay lạnh; Tiểu tiện đỏ ít hay trong dài; Đại tiện táo khô hay tiêu chảy; Rêu lưỡi vàng hay trắng, mạch trì hay sắc.

Hàn chứng thuộc âm thịnh và Nhiệt chứng thuộc Dương thịnh. Hàn nhiệt còn phối hợp các cương linh khác, lẫn lộn với nhau, thực giả lẫn nhau.

2.3. Hư - Thực

Hư và thực là 2 cương linh dùng để đánh giá trạng thái người bệnh và tác nhân gây bệnh, để người thầy thuốc thực hiện nguyên tắc chữa bệnh: Hư thì bổ; Thực thì tả.

2.3.1. Hư chứng

Hư chứng là biểu hiện chính khí suy nhược (hay không được đầy đủ) và sự phản ứng của cơ thể đối với tác nhân gây bệnh giảm sút. Chính khí của cơ thể có 4 mặt chính là âm, Dương, Khí, Huyết nên trên lâm sàng có những hiện tượng như: âm hư, Dương hư, Khí hư và Huyết hư.

Những biểu hiện chính trên lâm sàng: tinh thần yếu đuối, sắc mặt trắng bệch, người mệt mỏi không có sức, gầy, hồi hộp, thở ngắn, tự ra mồ hôi hay mồ hôi trộm, đi tiểu luôn hay không tự chủ, chất lưỡi nhạt, mạch tế nhược ...

2.3.2. Thực chứng

Thực chứng là do cảm phải ngoại tà hay do khí trệ, huyết ứ, đàm tích, ứ nước, giun sán gây ra bệnh.

Các biểu hiện chính trên lâm sàng: Tiếng thở thô mạnh, phiền táo, ngực bụng đầy trướng, đau cự án, táo, mót rặn, bí tiểu, tiểu buốt, tiểu gắt, rêu lưỡi vàng, mạch thực hữu lực.

Sự phân biệt hư chứng và thực chứng căn cứ vào mấy điểm sau: Bệnh cũ hay bệnh mới; Tiếng nói, hơi thở nhỏ hay to; Đau cự án hay thiện án; Chất lưỡi dày cộm hay mềm bệu; Mạch vô lực hay hữu lực.

Hư thực còn phối hợp với các cương linh khác lẫn lộn với nhau và thực giả lẫn nhau.

2.4. Âm - Dương

2.4.1. Âm chứng và Dương chứng: âm chứng thường bao gồm các chứng hư và hàn; Dương chứng gồm các chứng thực và nhiệt.

ÂM CHỨNG	DƯƠNG CHỨNG
Người lạnh, tay chân lạnh, tinh thần mệt mỏi, thở nhỏ, thích ẩm, không khát, tiểu tiện trong dài, đại tiện lỏng, nằm quay vào trong, mặt trắng, lưỡi nhạt, mạch trầm nhược.	Tay chân ấm, tinh thần hiếu động, thở to thô, sợ nóng, khát, tiểu tiện đỏ, tiểu ít, đại tiện táo, nằm quay ra ngoài, mặt đỏ, lưỡi đỏ, mạch hoạt sắc, phù sắc có lực.

2.4.2. Âm hư và Dương hư

- Âm hư do tân dịch, huyết không đầy đủ, phần Dương trong cơ thể nhân Âm hư, nổi lên sinh ra chứng Hư nhiệt gọi là “Âm hư sinh nội nhiệt”.
- Dương hư là do công năng trong người bị giảm sút, Dương khí không ra ngoài, phần Vệ bị ảnh hưởng nên sinh chứng sợ lạnh, tay chân lạnh gọi là “Dương hư sinh ngoại hàn”.

ÂM HƯ	DƯƠNG HƯ
Triệu nhiệt nhức trong xương, ho khan, họng khô, hai gò má đỏ, ra mồ hôi trộm, ngũ tâm phiền nhiệt, khó ngủ vật vã, lưỡi đỏ, rêu ít, mạch Tế sác.	Sợ lạnh, tay chân lạnh, ăn không tiêu, di tinh, liệt dương, đau lưng mỏi gối, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhạt, tiêu chảy, tiểu tiện trong dài, mạch Nhược, vô lực.

2.4.3. Vong Âm và vong Dương:

Vong Âm là hiện tượng mất nước do ra mồ hôi, tiêu chảy nhiều. Vì Âm Dương tựa vào nhau, nên sự mất nước đến giai đoạn nào đó sẽ gây ra vong Dương tức là choáng, truy mạch còn gọi là “Thoát Dương”.

Chứng	Mồ hôi	Tay	Lưỡi	Mạch	Các chứng khác
Vong Âm	Nóng và mặn, không dính	Ấm	Khô	Phù vô lực, mạch Xích yếu	Khát, thích uống nước lạnh
Vong Dương	Lạnh, vị nhạt, dính	Lạnh	Nhuận	Phù Sác vô lực rồi mạch vị muốn tuyệt	Khát, thích uống nước nóng

3. SỰ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƯƠNG LĨNH

3.1. Biểu - Lý, Hàn - Nhiệt

Gồm 4 chứng: Biểu hàn, Biểu nhiệt, Lý hàn, Lý nhiệt được tóm tắt như sau:

Chứng	Biểu hiện lâm sàng	Bệnh
Biểu hàn	Sợ lạnh nhiều, sốt ít, đau người, không có mồ hôi, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch Phù khẩn.	Cảm mạo Phong hàn
Biểu nhiệt	Sợ lạnh ít, sốt nhiều, miệng hơi khát, có mồ hôi, đầu lưỡi đỏ, mạch Phù sác.	Cảm mạo Phong nhiệt, Ôn bệnh ở phần vệ
Lý hàn	Người lạnh, tay chân lạnh, sắc mặt trắng xanh không khát, thích uống nước nóng, ít nói, tiểu tiện trong, đại tiện lỏng, rêu trắng, lưỡi nhạt, mạch Trầm trì.	Thận Dương hư hàn; Tỳ Vị hư hàn
Lý nhiệt	Mắt đỏ, người nóng, miệng khô khát, thích uống nước lạnh, phiền táo, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch Hồng sác.	Nhiệt ở khí phận (hay nhiệt ở Dương minh)

3.2. Biểu - Lý, Hư - Thực

Gồm 4 chứng: Biểu hư, Biểu thực, Lý hư, Lý thực.

Chứng	Biểu hiện lâm sàng	Bệnh
Biểu hư	Tự ra mồ hôi, sợ gió, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù hoãn.	Cảm mạo phong hàn thể trúng phong
Biểu thực	Không có mồ hôi, sợ lạnh, đau mình, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn.	Cảm mạo phong hàn thể thương hàn
Lý hư Lý thực	Giống như phần hư thực trong nội dung của bát cương.	

4. SỰ LẤN LỘN (THÁC TẠP) GIỮA CÁC CƯỜNG LĨNH

4.1. Biểu lý thác tạp

Trên một người bệnh vừa có chứng bệnh ở biểu vừa có chứng bệnh ở lý, còn gọi là “Biểu lý đồng bệnh”, khi chữa bệnh phải vừa chữa phần biểu, vừa chữa phần lý gọi là “Biểu lý song giải”

Ví dụ: người bệnh sốt, sợ lạnh (Biểu chứng) nhưng vật vã khát nước (Lý chứng) thì vừa giải biểu (Ma hoàng quế chi) vừa thanh lý nhiệt sinh tân dịch (Thạch cao).

4.2. Hàn nhiệt thác tạp

Trên một người bệnh, vừa có chứng hàn vừa có chứng nhiệt. Có thể có những hình thức như sau: Biểu hàn lý nhiệt, Biểu nhiệt lý hàn, Tạng phủ này hàn, Tạng phủ kia nhiệt.

4.3. Hư chung hiệp thực

Chứng Hư và chứng Thực cùng xuất hiện:

Ví dụ: Trong bệnh truyền nhiễm sốt cao, mạch nhanh, nước tiểu đỏ ... là Thực chứng, nhưng sốt làm tân dịch bị mất gây táo, vật vã mê sảng (Âm hư) là Hư chứng.

Bệnh nhân tạng yếu (Hư chứng) lại mắc thêm bệnh mới như cảm mạo, sốt, đau mình, ngạt mũi (bệnh Thực), gọi là Hư kèm thêm Thực (Hư trung hiệp thực).

5. HIỆN TƯỢNG CHÂN GIẢ

Hiện tượng chân giả là hiện tượng triệu chứng của bệnh xuất hiện không phù hợp với bản chất, với nguyên nhân của bệnh. Có hiện tượng sau đây:

5.1. Chân Hàn, giả Nhiệt

Do bên trong chứng Âm hàn mạnh bức Dương ra ngoài, hay là sự chuyển hoá “Hàn cực sinh nhiệt” của bệnh tật.

Ví dụ: Chứng tiêu chảy do lạnh (chân Hàn) nhưng do mất nước, mất điện giải gây khát, vật vã, miệng khô, mình nóng, thậm chí sốt cao, co giật (giả Nhiệt)

Chân hàn	Giả nhiệt
Đau bụng, tiêu chảy, nôn mửa, tay chân lạnh, mồ hôi tự chảy ra, nói nhỏ, ăn ít, đầy bụng, tiểu tiện trong trắng, chất lưỡi mềm bệu, rêu lưỡi, nhưng ấn sâu, không thấy nóng.	Phiền táo khát nước (giả Nhiệt) nhưng không muốn uống (chân Hàn) miệng mũi có khi ra máu, khô, mắt đỏ, mình nóng (giả Nhiệt) trợn mạch trầm vì muốn tuyết (chân Hàn) Mạch phù sắc (giả Nhiệt) song ấn xuống không có gì (chân Hàn)

5.2. Chân Nhiệt, giả Hàn

Bên trong là Nhiệt nhưng giả Hàn bên ngoài, nhưng trong bệnh truyền nhiễm do nhiễm độc gây trụy mạch ngoại biên: Tay chân lạnh, mạch vi (giả hàn).

Chân Hàn	Giả Nhiệt
Hơi thở thô và nóng, họng khô, miệng khô, rêu lưỡi vàng đen, rất khát, nói sáng, bụng đầy chướng, ấn vào đau, tiểu tiện đỏ ít, đại tiện táo.	Tay chân quyết lãnh (giả hàn) nhưng không muốn mặc áo (chân nhiệt ở trong) mạch trầm trì (giả hàn) ấn xuống thấy mạch đập mạnh có lực (chân nhiệt)

6. HIỆN TƯỢNG BÁN BIỂU BÁN LÝ

Có chứng bệnh không ở biểu mà cũng không ở Lý gọi là giữa Biểu và Lý hay bán Biểu bán Lý.

Trong sách Thương hàn luận, chứng bán Biểu bán Lý là thuộc bệnh của kinh Thiếu dương (Thái dương là Biểu, Dương minh là Lý) khi chữa bệnh không thể dùng phương pháp giải Biểu được (vì không phải ở Biểu) không thể dùng phương pháp thanh, hạ được (vì không phải ở Lý) mà phải dùng phương pháp hoà giải gọi là Hoà giải Thiếu dương.

Các biểu hiện lâm sàng như sau: Lúc nóng lúc lạnh (Hàn Nhiệt vãng lai) ngực sườn đầy tức, miệng đắng, lợm giọng, buồn nôn, họng khô, mắt hoa, mạch huyền ...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Biểu chứng?

- A. Sốt cao
- B. Sợ lạnh
- C. Ôn lạnh
- D. Nhức đầu
- E. Hoa mắt

2. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Lý chứng?

- A. Nhức đầu
- B. Cầu táo
- C. Hoa mắt
- D. Chóng mặt
- E. Û tai

3. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Hàn chứng:

- A. Tiểu trong
- B. Cầu bón
- C. Khát nước
- D. Miệng hôi
- E. Thở khó

4. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Nhiệt chứng:

- A. Cầu bón
- B. Miệng lạt
- C. Miệng khô
- D. Ợ hơi
- E. Thở khó

5. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Hư chứng:

- A. Miệng lạt
- B. Cầu lỏng
- C. Phân vàng

- D. Sốt cao
- E. Vật vã

6. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Thực chứng:

- A. Buồn ngủ
- B. Nhức đầu
- C. Họng đau
- D. Miệng đắng
- E. Cầu táo

7. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Âm chứng:

- A. Khát nước
- B. Da khô
- C. Tiểu trong
- D. Miệng đắng
- E. Ợ hơi

8. Triệu chứng nào sau đây thuộc về Dương chứng:

- A. Nằm yên
- B. Sợ lạnh
- C. Tiểu vàng
- D. Miệng lạt
- E. Họng đau

9. Những biểu hiện của Âm hư:

- A. Tiêu chảy, sốt, sợ lạnh
- B. Cảm giác nóng trong người, khát nước, tiểu sền
- C. Sốt cao, khát nước, họng khô
- D. Cảm giác lạnh, sợ lạnh, tay chân lạnh
- E. Cảm giác nóng, khát nước nhưng không uống được

10. Chứng nóng rét qua lại, lòng phiền muộn hay nôn thường gặp ở:

- A. Chứng Biểu nhiệt lý hàn
- B. Chứng Biểu hàn lý nhiệt

- C. Chứng Biểu lý đều nhiệt
- D. Chứng Biểu lý đều hàn
- E. Chứng bán biểu bán lý

11. Triệu chứng nào không phải biểu hiện lâm sàng của chứng Biểu hàn:

- A. Sợ lạnh, phát sốt
- B. Đầu mình đau nhức
- C. Chảy nước mũi trong
- D. Cổ họng sưng đỏ
- E. Không ra mồ hôi

12. Chứng phát nóng, đại tiện táo kết, bụng đầy trướng đau, chối nắn, tâm phiền là biểu hiện của:

- A. Lý thực
- B. Lý thực nhiệt
- C. Lý nhiệt
- D. Biểu nhiệt
- E. Biểu thực nhiệt

13. Triệu chứng nào không phải là biểu hiện của chứng Âm hư:

- A. Hình thể gầy mòn
- B. Miệng ráo họng khô
- C. Sốt cơn gò má đỏ
- D. Tụ hãn, tiêu lỏng
- E. Ngũ tâm phiền nhiệt

14. Triệu chứng chủ yếu của chứng Chân nhiệt giả hàn:

- A. Thần chí hôn mê nói nhảm
- B. Sốt cao tứ chi lạnh
- C. Đỏ mồ hôi, miệng khát
- D. Tứ chi lạnh
- E. Bút rút nóng nẩy

15. Bài thuốc nào dùng được trong chứng Phong hàn biểu hư:

- A. Ma hoàng thang

- B. Ma hạnh thạch cam thang
- C. Ngân kiều tán
- D. Quế chi thang
- E. Sài cát giải cơ thang

ĐÁP ÁN

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
1	C
2	B
3	A
4	C
5	A
6	D
7	C
8	C
9	B

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
10	D
11	D
12	B
13	D
14	B
15	D